

Số: 442 /NQ-HĐND

Quảng Xương, ngày 14 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh dự toán, số thu điều tiết tiền sử dụng đất từ các MBQH đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Sửa đổi, bổ sung năm 2024; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn 3709/STC-QLCS-GC ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài chính V/v quy trình thực hiện xác nhận chi phí BTGPMB, chi phí ĐTXD hạ tầng kỹ thuật, chi phí khác có liên quan khi thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Thông báo số 321/TB-KVXI ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XI về thông báo kết quả kiểm toán tại huyện Quảng Xương. Thực hiện Công văn số 12096/UBND-KTTC ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán chuyên đề.

Xét Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của UBND huyện Quảng Xương về điều chỉnh dự toán, số thu điều tiết tiền sử dụng đất từ các MBQH đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023; Báo cáo số 20/HĐND-KTXH ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế Xã hội HĐND nhân dân huyện thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh dự toán, số thu điều tiết tiền sử dụng đất từ các MBQH đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán, số thu điều tiết tiền sử dụng đất từ các MBQH đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023 với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm số thu tiền sử dụng đất từ ngân sách cấp huyện, số tiền: 2.433.634.780 đồng.

2. Điều chỉnh tăng tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã: 2.433.637.780 đồng (Ngân sách cấp tỉnh: 1.565.904.330 đồng; Ngân sách cấp xã: 867.730.450 đồng).

3. Nguồn kinh phí: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện năm 2025.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật để điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện, tăng tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã các MBQH đấu giá QSD đất theo kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương khóa XXI, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr HĐND tỉnh; UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài chính; Sở Xây dựng;
- TTr HU, HĐND, UBND, UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- BTV ĐU, TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan đơn vị có liên quan;
- Lưu: TTr HĐND, VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Thị Mai

Phụ biểu: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 443 /NQ-HĐND ngày 14 /3 / 2025 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tên dự án/MBQH đầu giá	GIÁ TRỊ LOẠI TRỪ CHI PHÍ	TỔNG GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP HUYỆN	TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP TỈNH	TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP XÃ	Tỉ lệ điều tiết
1	Quảng Lưu	MBQH số 5643/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, khu dân cư thôn 14, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương.	438.000.000	306.600.000	197.100.000	109.500.000	Tỉnh 45%; xã 25%
2	Quảng Định	MBQH số 3253/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 khu dân cư thôn Tiên Vệ (VT2), xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	386.136.000	270.295.200	173.761.200	96.534.000	
3	Quảng Thạch	MBQH kèm theo quyết định số 5146/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 thuộc xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	48.768.000	34.137.600	21.945.600	12.192.000	
4	Quảng Nhân	MBQH số 5748/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 khu dân cư thôn 3 (VT1) thuộc xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	14.348.000	10.043.600	6.456.600	3.587.000	
5	Quảng Hòa	MBQH kèm theo quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 01/7/2020, MBQH kèm theo Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 thuộc xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	25.623.000	17.936.100	11.530.350	6.405.750	
6	Quảng Bình	MBQH số 27 UB/TN-MT ngày 26/4/2018 thuộc xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	14.776.000	8.126.800	6.649.200	1.477.600	Tỉnh 45%; xã 10%
7	Tiên Trang	MBQH số 3099/QĐ-UBND ngày 7/7/2020 Khu dân cư thôn 5, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương	34.046.000	23.832.200	15.320.700	8.511.500	Tỉnh 45%; xã 25%
8	Quảng Yên	Khu dân cư thôn Trung Đào (MBQH số 3917/QĐ-UBND ngày 02/8/2021), xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	161.353.000	112.947.100	72.608.850	40.338.250	

STT	ĐƠN VỊ	Tên dự án/MBQH đấu giá	GIÁ TRỊ LOẠI TRỪ CHI PHÍ	TỔNG GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP HUYỆN	TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP TỈNH	TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP XÃ	Tỉ lệ điều tiết
9	Quảng Ngọc	MBQH số 5769/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Bất Động, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương	1.845.719.400	1.292.003.580	830.573.730	461.429.850	
10	Quảng Đức	MBQH số 3279/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 Khu dân cư thôn Hà Trung, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương	318.191.000	222.733.700	143.185.950	79.547.750	
11		MBQH số 3281/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 Khu dân cư thôn Quang Tiên, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương	63.284.000	44.298.800	28.477.800	15.821.000	
11	Quảng Nhân	MBQH kèm theo quyết định số 5767/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 khu dân cư Thôn 6, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	129.543.000	90.680.100	58.294.350	32.385.750	
	Tổng cộng		3.479.787.400	2.433.634.780	1.565.904.330	867.730.450	